

Bản án số: 50/2018/HS-PT

Ngày: 13-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Bảy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thiện

Ông Đinh Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 24/2018/TLPT-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Trần Ngọc T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2017/HS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo có kháng cáo:

Bị cáo Trần Ngọc T (Tên gọi khác: K), sinh năm 1985; tại: Huyện D, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn K, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Võ Thị Q; sinh năm 1962; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền sự: không; tiền án: Có 4 tiền án:

- Ngày 13/6/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 09/9/2010 bị Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 09 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản.

- Ngày 08/6/2012 bị Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản

- Ngày 22/8/2014 bị Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt vào ngày 22/9/2016 nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 29/8/2017, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất:

Do mâu thuẫn trong cuộc sống, nhằm bắt, giữ để răn đe chị Nguyễn Thị Song H. Khoảng 12 giờ ngày 30/7/2017, Trần Ngọc T giả danh người mua bảo hiểm nhân thọ Manulife điện thoại cho chị H để tư vấn, hai bên thống nhất hẹn gặp nhau để làm hồ sơ. Sau đó chị H nhờ anh Nguyễn Văn Đ chở xe máy đi vào điểm hẹn tại quán nước đối diện nhà thờ chính T, xã D. Sau hồi trò chuyện, Trần Ngọc T nói để anh Đ ngồi tại quán uống nước còn chị H lên xe T chở vào đường thủy điện D gặp người mua bảo hiểm thì chị H đồng ý. Trần Ngọc T dùng xe mô tô 92F1-6025 chở chị H đến khu rừng trồng cây keo lá trầm thuộc địa phận thôn Chiêm Sơn, xã D, T dừng xe lại đi vệ sinh, chị H thấy nghi ngờ nên lấy điện thoại ra điện số máy của người định mua bảo hiểm thì nghe tiếng chuông điện thoại reo lên trong túi quần của Trần Ngọc T, bất ngờ T dùng tay trái kẹp cổ không chế chị H dẫn vào bên trong rừng trồng cây keo lá trầm, T bắt chị H ngồi xuống đất, rồi T cởi khoác bên ngoài chị H ra, T dùng áo khoác trói hai tay chị H ra phía sau lưng khiến điện thoại di động Nokia 105 (loại 02 sim không cảm ứng, mua 03 năm trước) trên tay chị rơi xuống đất, T thấy điện thoại rơi nên lượm bỏ vào túi áo của mình. Tại đây, T đứng lên quan sát xung quanh, sợ người dân nhìn thấy nên giật dây túi xách của chị H, mở áo khoác trói tay, tiếp tục dẫn chị H vào sâu trong rừng trầm khoảng 20m, đến một gốc cây keo lá trầm lớn không chế chị H ngồi xuống rồi dùng dây túi xách nói trên trói hai tay chị H ra sau lưng và cột cố định vào gốc cây, sau đó T đi ra lại lấy tư trang cá nhân chị H mang vào, trên đường đi T lượm được một sợi dây thép nhỏ, đến chỗ chị H, T để tư trang gần người chị H rồi lấy dây thép cột thêm vào vị trí cuối dây túi xách cho chặt. Sau khi thực hiện xong hành vi trên, T quay ra vị trí xe máy để quan sát, khi quay lưng nhìn lại thì phát hiện chị H đã bỏ trốn. Lúc này T lấy xe chạy ra lại, khi đi trên đường bê tông ra đường chính vào thủy điện D, T thấy chị H đứng phía trước trên tay cầm một khúc cây củi, khi T vừa dừng xe lại, lấy điện thoại của chị H từ trong túi áo ra cầm trên tay phải định đưa cho chị H thì chị H tiến tới dùng cây đánh từ trên xuống dưới vào người T, T dùng tay phải gạt đỡ, đoạn cây trúng vào cánh tay của T khiến điện thoại rơi xuống lề đường bê tông, tiếp đó T dùng tay trái đánh vào vai chị H 2-3 cái và tiếp tục giằng co với chị H khiến hai bên ngã xuống đường. Sau đó T bảo chị H lên xe để T chở về, chị H lên xe để T chở về, do hoảng loạn không ai nhớ đến điện thoại bị rơi nên không tìm nhặt lại. Khi đi được một đoạn, thấy xe tải đang chạy vào chị H giật mạnh vào người T, khiến xe mất thăng bằng làm người và xe ngã xuống đường nhựa, chị H chạy về hướng xe tải cầu cứu và tìm đường đến Công an xã D báo cáo sự việc trên, còn T thấy vậy lấy xe bỏ trốn khỏi hiện trường.

Khám nghiệm hiện trường xảy ra vụ án thu giữ gồm: Một túi xách màu đen, bên trong đựng một máy tính bảng, tiền mặt 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) và một số giấy tờ có liên quan đến việc mua bán bảo hiểm. Tại vị trí gốc cây keo lá trầm cột tay chị H thu được dây túi xách và dây thép vẫn còn cột nguyên trong cây.

Xung quanh hiện trường còn có áo khoác, mũ bảo hiểm, găng tay, khẩu trang và giày của chị H nằm trên đất còn nguyên vẹn. Riêng điện thoại của chị H bị rút không tìm thấy lại được.

Vụ thứ hai:

Vào khoảng 16h00 ngày 28 tháng 8 năm 2017, chị Đinh Thị N đi xe buýt từ Đà Nẵng về đến ngã ba Nam Phước đón xe mô tô do Trần Ngọc T điều khiển xin đi nhờ về nhà. Khi chở về đến nhà chị N, chị N mời T vào nhà uống nước. Tại đây, T biết chị N làm nhân viên bán bảo hiểm nhân thọ Manulife nên gợi ý hỏi chuyện và giới thiệu người quen mua bảo hiểm ở D cho chị N. Đến khoảng 6h00 ngày 29/8/2017, T dùng xe mô tô mang biển kiểm soát 92H1- 483.31 chạy đến nhà chị N, chở chị N đi vào đường thủy điện D, khi đến địa điểm Hố Gạt, thuộc thôn T, xã D, T dừng xe lại nói đi nhầm đường, chị N thấy nghi ngờ nên xuống xe đi ngược ra lại theo đường mòn về hướng Tây, thấy vậy Trần Ngọc T đuổi theo khoảng 50m thì nắm được chị N, T dùng sợi dây túi xách (lấy từ trong túi quần ra) cầm trên hai tay vòng qua cổ chị N kéo chị N đi theo đường mòn về hướng Đông Bắc, được khoảng 100m thì dừng lại, chị N quỳ gối ngồi xuống nghỉ, tại đây T buông tay cầm dây ra và lượm một cục đá to bằng 02 nắm đấm cầm trên tay đe dọa nói “ Giờ bà ung về với con bà hay ung chết” chị N van xin T đừng làm thế. Lợi dụng sơ hở của T, chị N bỏ chạy ra lại được đoạn thì vấp chân ngã xuống đất, T cầm cục đá đuổi theo bắt chị N lại rồi kéo chị N đi vào thêm một đoạn khoảng 50m thì dừng lại. Tại đây, T nói “Giờ tôi cần quan hệ tình cảm”, chị N đáp “Chị già rồi, chị với em có tình cảm gì đâu”, vừa nói T vừa tự cởi hết quần T ra và hỏi chị N “Bà có biết làm tình không?”, chị N trả lời không biết. Lúc này, T cầm cục đá lượm lúc nãy đưa lên dọa và bảo chị N cởi quần hết ra. Chị N sợ T dùng đá đập đầu mình nên cởi quần ngoài và quần lót đến đầu gối thì T dùng tay kéo hết quần chị N ra khỏi chân, sau đó T quỳ hai gối xuống, nằm đè lên người chị N dùng dương vật đang cương cứng đưa vào âm hộ chị N để thực hiện hành vi giao cấu, trong quá trình quan hệ chị N chống cự lại, T cầm cục đá đưa lên đe dọa “nằm im”, vì hoảng sợ nên chị N làm theo yêu cầu của T, giao cấu đến khi xuất tinh xong, T đứng dậy mặc quần vào thì phát hiện trên người chị N có nhiều nữ trang nên đe dọa nói “Giờ tôi cần tiền”, chị N trả lời “Chị không có tiền”, T bảo chị N mở hết nữ trang ra, chị N không đồng ý thì T cầm cục đá đưa lên đe dọa đập vào đầu chị N, thấy vậy chị N năn nỉ, van xin T cho con đường sống, T nói “ Giờ bà ung sống thì cởi hết nữ trang đưa đây”. Trong tình thế không thể chống cự lại được, chị N hỏi “Sau khi đưa nữ trang lấy gì tin tưởng em cho chị về nhà”, T đáp “ Tôi sẽ chở bà về lại, trên đường không được la hét và không được đi báo công an”. Nghe vậy chị N đồng ý, khi chị mở được 03 vòng vàng simen trong tay ra thì T lấy bỏ vào túi và tự tay mở 04 vòng vàng simen còn lại để chiếm đoạt. Sau đó T thấy trên người chị N còn sợi dây chuyền và đôi bông tai nên bảo chị mở luôn ra nhưng chị N nói đây là hàng giả mua ở chợ không có giá trị gì, nghe vậy T không chiếm đoạt tài sản này. Sau khi T chở người bị hại về và đi đến tiệm vàng HT cầm 07 vòng vàng simen lấy số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Căn cứ Bản giám định pháp y về tình dục số: 270/GĐTT.17 ngày 20/9/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Nam kết luận các dấu vết xước ở má trái, vùng

cổ, cẳng tay trái, đùi trái có tỷ lệ thương tích tại thời điểm hiện tại là 08% (Tám phần trăm).

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y sinh dục của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Đà Nẵng số: 595/C54C(Đ5) ngày 05/9/2017 kết luận tình trạng cơ quan sinh dục của chị N màng trinh có vết rách cũ vị trí 03 giờ, 06 giờ và 09 giờ.

Căn cứ Kết luận giám định của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Đà Nẵng số: 596/C54C(Đ5) ngày 14/9/2017 kết luận: “Trong mẫu dịch âm đạo thu của N có xác tinh trùng của một người. Lưu ADN của N và ADN của xác tinh trùng trong mẫu dịch âm đạo thu của N tại phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng”.

Căn cứ Kết luận giám định của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Đà Nẵng số: 594/C54C(Đ5) ngày 16/10/2017 kết luận “Xác tinh trùng người trong mẫu dịch âm đạo của Đinh Thị N là của Trần Ngọc T”

Căn cứ kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện D số: 27/KLĐG-HĐĐGTS ngày 11/9/2017, giá trị của 07 vòng đeo tay nữ bằng vàng, loại vàng tây, tại khớp nối có chữ K*L6107, trọng lượng 05 chỉ vào thời điểm bị cướp là 12.600.000đ (Mười hai triệu sáu trăm ngàn đồng).

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 58/2017/HS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện D đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm các tội: “*Hiếp dâm*”, “*Cướp tài sản*”, “*Bắt giữ người trái pháp luật*”.

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 111, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS xử phạt Trần Ngọc T 07 (Bảy) năm tù về tội “*Hiếp dâm*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 133, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS xử phạt Trần Ngọc T 07 (Bảy) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 123, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS xử phạt Trần Ngọc T 01 (Một) năm tù về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”.

Áp dụng điều 50 BLHS tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cả 3 tội là 15 (Mười lăm) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 29/8/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 11/12/2017, bị cáo Trần Ngọc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho rằng các lời khai của bị hại có trong hồ sơ không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa, nhận thấy bị cáo Trần Ngọc T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tính mạng, sức khỏe của con người là bất khả xâm phạm. Bị cáo đã từng có tiền án, chưa được xóa án tích nhưng không ăn năn hối cải mà còn tiếp tục phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang trong dư luận và quần chúng nhân dân. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất của vụ án và nhân thân của bị cáo, đã xử phạt bị cáo 15 năm tù về các tội “*Hiếp dâm*”, “*Cướp tài sản*”, “*Bắt giữ người trái pháp luật*” là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay không có chứng cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trần Ngọc T tranh luận tại phiên tòa như sau: Bị cáo có mâu thuẫn với bị hại Nguyễn Thị Song H, bị cáo đã bắt, trói chị H nên không thể truy tố, xét xử bị cáo về tội “*Cướp tài sản*”. Việc bị cáo quan hệ tình dục với bị hại Đinh Thị N là do chị N tự nguyện, còn việc lấy vàng là bị cáo mượn của chị N nên bị cáo không phạm tội “*Hiếp dâm*” và “*Cướp tài sản*” như bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 12 giờ ngày 30/7/2017, Trần Ngọc T giả danh người mua bảo hiểm nhân thọ gọi điện thoại cho chị Nguyễn Thị Song H để được tư vấn. T hẹn và chỉ dẫn đường cho chị H đi từ Đà Nẵng vào đến D. Khi gặp nhau, T nói đưa chị H vào gặp người mua bảo hiểm nhưng lại chở chị H vào khu rừng trồng cây keo lá tràm thuộc thôn Chiêm Sơn, xã D. T dừng xe lại đi vệ sinh. Chị H thấy nghi ngờ nên lấy điện thoại điện cho người mua bảo hiểm thì điện thoại trong túi quần T đổ chuông. Bất ngờ T đi đến bịt miệng và đẩy chị H ngã xuống và đe dọa chị H. T cởi áo khoác chị H và dùng áo này trói 2 tay chị H ra sau vào một gốc cây. Sau đó T mở tay ra và lôi chị H vào sâu thêm một đoạn nữa. T dùng dây túi xách của chị H và một đoạn dây thép nhặt được trói chị H. Khi T quay ra chỗ cũ để lấy tư trang của chị H thì chị H tháo được dây trói và chạy thoát. Hiện trường vụ án thu giữ nhiều tài sản gồm tiền, máy tính bảng, túi xách và các giấy tờ liên quan đến việc mua bán bảo hiểm và vật dụng tư trang của chị H. Hành vi của Trần Ngọc T đã cấu thành tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*” quy định tại khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ.

[2] Ngoài ra, vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 29/8/2017 bị cáo Trần Ngọc T điều khiển xe mô tô đến nhà chị Đinh Thị N để chở chị N đi giới thiệu người mua bảo hiểm. T chở chị N đi vào đến khu vực Hồ Gạt, thuộc thôn K, xã D. T nói đi nhầm đường, chị N nghi ngờ nên xuống xe đi ngược ra lại theo hướng đường mòn nên T đuổi theo chị N, T dùng sợi dây túi xách vòng qua cổ chị N và kéo chị đi về đường mòn được khoảng 100m thì dừng lại. Tại đây T đã có những hành vi nhằm

đe dọa và ép buộc chị N cho T quan hệ tình dục. Trong quá trình giao cấu chị N tiếp tục giằng co, khóc lóc nên T tiếp tục cầm đá lên và đe dọa đánh chị N. Sau khi quan hệ trái ý muốn với chị N xong, T cầm đá hăm dọa chị N tháo 3 vòng nữ trang đưa cho T, T tự tay tháo tiếp 4 vòng nữ trang còn lại trên tay chị N rồi bỏ vào túi quần. Sau đó T chở chị N về nhà và đi cầm số nữ trang trên được 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Tại bản kết luận giám định số: 596/C54C(Đ5) ngày 14/9/2017 và bản kết luận giám định số 594/C54C(Đ5) ngày 16/10/2017 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Đà Nẵng kết luận: “Trong mẫu dịch âm đạo thu của N có xác tinh trùng của một người. Lưu ADN của N và ADN của xác tinh trùng trong mẫu dịch âm đạo thu của N tại phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng” và “Xác tinh trùng người trong mẫu dịch âm đạo của Đinh Thị N là của Trần Ngọc T”. Ngoài ra, theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D, 07 vòng đeo tay nữ trang bằng vàng của chị Đinh Thị N tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 12.600.000đ (*Mười hai triệu sáu trăm ngàn đồng*).

Như vậy, bị cáo Trần Ngọc T đã có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, làm cho chị Đinh Thị N rơi vào tình trạng hoảng sợ, không thể chống cự được để giao cấu trái ý muốn với chị N đồng thời đe dọa, khống chế chị N để chiếm đoạt số vàng có giá trị 12.600.000đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Trần Ngọc T phạm thêm các tội “*Hiếp dâm*” và “*Cướp tài sản*” quy định tại điểm i khoản 2 Điều 111 và điểm c khoản 2 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai việc bị cáo quan hệ tình dục với chị N và việc nhận vàng là do chị N tự nguyện nhưng căn cứ vào lời khai của bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì không có cơ sở để chấp nhận. Riêng các tài sản của chị Nguyễn Thị Song H không bị chiếm đoạt, cơ quan tiến hành tố tụng không xem xét, giải quyết nên lời khai của bị cáo tại phiên tòa là không có cơ sở để xem xét.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho rằng lời khai của bị hại không đúng thì thấy rằng: Các hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quyền tự do của công dân, xâm phạm đến sức khỏe, danh dự và tài sản của con người, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra đối với con người và xã hội, đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “*Hiếp dâm*”, 07 năm tù về tội “*Cướp tài sản*” và 01 năm tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả 03 tội là 15 năm tù là phù hợp. Mặc dù, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới và xét thấy mức án mà bản án sơ thẩm đã xử đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở giảm án cho bị cáo. Riêng việc bị cáo cho rằng lời khai của bị hại không đúng là không có cơ sở.

Mặt khác, đối với các tội “*Hiếp dâm*” và “*Cướp tài sản*” đã là tình tiết định khung thì không được áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Ngọc T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2017/HS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm các tội: “*Hiếp dâm*”, “*Cướp tài sản*”, “*Bắt giữ người trái pháp luật*”.

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 111, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt Trần Ngọc T 07 (Bảy) năm tù về tội “*Hiếp dâm*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 133, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt Trần Ngọc T 07 (Bảy) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 123, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt Trần Ngọc T 01 (Một) năm tù về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”.

Áp dụng điều 50 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cả 3 tội là 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: Ngày 29/8/2017.

Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo Trần Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện D;
- VKSND huyện D;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- Người tham gia tố tụng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Q.Nam
- Phòng PV 27 CA tỉnh Q.Nam;
- Phòng HSNV Sở tư pháp Q.Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

(Đã ký)

Ngô Đình Bảy